



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội:

Số 112, ngõ 553, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Tel : (04) 3664 6995/ 3664 6996

Fax : (04) 3664 1658 Hotline: 0903 278 999

Email: hanhchinh@kiemtoan.gov.vn

Website: www.kiemtoan.gov.vn / www.kiemtoan.info.vn / www.vnfc.vn

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



VIETNAM NATIONAL INDEPENDENT AUDITING COMPANY LIMITED
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL

Add : 135, Boulevard Haussmann, 75008 Paris, Cộng hòa Pháp.
Tel : +33 (0) 1 5393 9460
Fax : +33 (0) 1 4289 4656
Website : www.euraaudit.org

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 10
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	11 - 15
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	16
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	17 - 18
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	19 - 59
THƯ GIẢI TRÌNH	60 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát chung:

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tên cũ: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 26/04/2011 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: INTERSERCO

Địa chỉ trụ sở chính: 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 235.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Hoạt động kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 26/04/2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất giày dép;
- Cung cấp thông tin và thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam;
- Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
- Tư vấn, giới thiệu và cung ứng lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh;
- Kinh doanh các sản phẩm văn hóa, đại lý giới thiệu sản phẩm văn hóa (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Hoạt động kinh doanh (tiếp):

- Thi công tu bổ, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích văn hóa, lịch sử và các công trình mỹ thuật kiến trúc;
- Thi công trang trí nội, ngoại thất và lắp đặt thiết bị cho các công trình văn hóa, nghệ thuật;
- Tư vấn, quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho, bãi, văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa, sản phẩm, vật tư cho các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước;
- Đầu tư kinh doanh nhà, đất và xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng: thủ công mỹ nghệ; nông sản thực phẩm; sản phẩm may mặc; khoáng sản; thiết bị toàn bộ và phụ tùng; phương tiện vận tải (ô tô, xe gắn máy); đồ điện, điện tử dân dụng, công nghiệp; hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất tiêu dung; trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế; Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ công tác xuất nhập khẩu tại điểm thông quan nội địa của thành phố Hà Nội;
- Kinh doanh giao nhận vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng gia dụng và thương mại cho các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, đơn vị cá nhân trong và ngoài nước xuất nhập khẩu vào Việt Nam;
- Dịch vụ tư vấn du học nước ngoài;
- Đào tạo công nhân có kỹ thuật cao để phục vụ hợp tác lao động quốc tế;
- Xuất khẩu lao động; cung ứng chuyên gia, tu nghiệp sinh, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu và các sản phẩm giấy dép do Công ty kinh doanh;
- Xuất nhập khẩu và bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (không gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Xuất nhập khẩu và bán buôn hóa chất khác (không gồm thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất trong danh mục cấm);
- Xuất nhập khẩu và bán buôn hóa chất công nghiệp (không bao gồm hóa chất trong danh mục cấm);

(Đối với các hoạt động xây dựng, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật)./.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc:

Các thành viên Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và tại ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Các thành viên Ban Giám đốc (được bổ nhiệm):

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Yên	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Bích Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế EURA AUDIT INTERNATIONAL.

Kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 11 đến trang 59 kèm theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên tất cả những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán hoặc đến ngày lập Báo cáo tài chính này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh, trình bày hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thư Giải trình của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp thư giải trình cho Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế EURA AUDIT INTERNATIONAL kèm theo Báo cáo tài chính này.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách và các nguyên tắc kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Văn Yên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013.





Số: 2005/2013/KTQGVN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính:

Chúng tôi - Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự bảo đảm hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng có liên quan và thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính tại Thủ đô Hà Nội:

Số 112 ngõ 553 đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Tel: (04) 36646995/ 36646996

Website: www.vnfc.vn/ www.kiemtoan.info.vn

6

Hotline: 0903278999

Fax: (04) 36641658

Email: audit@vkttc.gov.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và khối lượng công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty vào thời điểm 31/12/2012. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và sự hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí các công trình xây dựng cơ bản dở dang cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính được trình bày trên báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang còn đang trong quá trình xây dựng. Công việc này chỉ được hoàn thiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho công tác kiểm toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và được phát hành báo cáo kiểm toán riêng.

Số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được đối chiếu theo số dư cuối kỳ của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 1914/2012/KTQGVN-BCKT ngày 11/05/2012 của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam, trong đó chúng tôi có đưa ra ý kiến ngoại trừ về một số hạn chế trong phạm vi kiểm toán và xử lý kế toán.

Đến thời điểm kiểm toán, do hạn chế trong việc thu thập thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị mà Công ty góp vốn đầu tư dài hạn nên Công ty không tiến hành xác định giá trị thực tế của khoản đầu tư để thực hiện trích lập dự phòng tổn thất (nếu có) cũng như cổ tức có thể thu được trong năm làm căn cứ tạm trích khoản phải thu.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 này được tổng hợp bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, Chi nhánh Miền Nam, Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng trên các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Toàn bộ phần tài sản và nguồn vốn của các chi nhánh không được phản ánh trong Báo cáo tài chính tổng hợp. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Văn phòng, không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Chi nhánh miền Nam và Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng. Theo đó, vấn đề đưa ra ý kiến này chỉ dựa trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Hạn chế xử lý kế toán:

Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ vay theo hợp đồng vay vốn số 911 ngày 22/11/2009, thời hạn vay tiền là 3 tháng, số dư tại ngày 31/12/2012 là 5.064.166.666 VNĐ, trong năm không có phát sinh cũng không có hợp đồng gia hạn. Tuy nhiên, Công ty chưa cung cấp được cho kiểm toán viên hồ sơ, tài liệu về số tiền này.

Tại ngày 31/12/2012 trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 131 - Phải thu khách hàng còn một số khoản phải thu đã phát sinh từ lâu chưa được thu hồi, số tiền 27.706.804.141 VNĐ. Công ty chưa xác định để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi trên theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Hạn chế xử lý kế toán (tiếp):

Công ty chưa tập hợp đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ xác nhận các khoản phải thu, phải trả, tạm ứng tại ngày 31/12/2012 theo quy định, cụ thể:

<u>Tên khách hàng</u>	<u>Số cần đối chiếu (VNĐ)</u>	<u>Số đã đối chiếu (VNĐ)</u>	<u>Tỷ lệ đối chiếu (%)</u>
- Phải thu khách hàng	104.346.120.855	56.676.362.119	54,32
- Trả trước cho người bán	4.718.598.101	-	-
- Phải thu khác	59.369.311.213	-	-
- Tạm ứng	12.646.763.645	10.297.574.030	81,42
- Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.646.325.500	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	22.966.833.426	22.866.833.426	99,56
- Phải trả người bán	54.377.963.379	1.378.990.483	2,54
- Người mua trả tiền trước	8.422.840.62	-	-
- Phải trả nội bộ	234.835.806	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.901.688.592	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.874.573.392	-	-
- Vay và nợ dài hạn	13.249.953.917	12.750.000.000	96,23

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận tính hợp lý về số dư của các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính. Tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu chứng minh cho toàn bộ các khoản công nợ phải thu, phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến xác nhận tính hợp lý về số dư của các khoản công nợ phải thu, phải trả cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Theo Công văn số 7443/UBND-KT ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập mới công ty cổ phần của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cung ứng nhân lực và thương mại quốc tế Hà Nội (tên mới: Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) và Công văn số 341/CUNL-TM ngày 04/08/2009 của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cung ứng nhân lực và thương mại quốc tế Hà Nội (tên mới: Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế), Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn cùng Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế và bà Nguyễn Thị Nhất Thảo thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế (IPC). Nguồn tiền sử dụng góp vốn cụ thể của Công ty bao gồm: Giá trị tài sản và công trình trên khu đất 11.959m²: 9.594.973.518 VNĐ; Các đối tác hỗ trợ Công ty số tiền 56.565.023.482 VNĐ coi như giá trị lợi thế của 11.959m² đất được sử dụng để xây dựng dự án (không tính vào giá trị góp vốn của các đối tác trong IPC, cũng không coi là khoản nợ của IPC với các đối tác góp vốn và Công ty có trách nhiệm hạch toán tăng vốn Nhà nước số tiền này). Tổng số vốn góp của Công ty vào IPC thực chất là 63.360.000.000 VNĐ. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2009 giữa các đối tượng tham gia góp vốn thành lập IPC, các đối tác tham gia góp vốn thành lập IPC đã chuyển đủ 63.360.000.000 VNĐ vào tài khoản của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Tuy nhiên, trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 228 - Đầu tư dài hạn khác, chi tiết IPC chỉ thể hiện khoản góp vốn bằng giá trị tài sản và công trình trên khu đất 11.959m²: 9.594.973.518 VNĐ.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Hạn chế về xử lý kế toán (tiếp):

Một số khoản công nợ tạm ứng tồn tại trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 141 - Tạm ứng từ các năm trước mà chưa được hoàn ứng với tổng số tiền là 8.155.663.861 VNĐ. Đồng thời, trong năm tồn tại nhiều khoản tạm ứng phát sinh từ các năm trước, trong năm chỉ tiến hành hoàn ứng một phần và số dư tạm ứng quá lớn với nội dung tạm ứng chung chung là phục vụ cho các dự án, số dư tài khoản 141 - Tạm ứng tại ngày 31/12/2012 là 12.646.763.645 VNĐ nên Kiểm toán viên không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục tạm ứng cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến các khoản mục liên quan khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tại ngày 31/12/2012 trên sổ kế toán tài khoản 156 - Hàng hóa đang theo dõi khoản giá trị (hợp đồng xe ô tô) số tiền: 5.187.902.229 VNĐ. Theo giải trình của kế toán thì lô hàng trên đã xuất kho (hiện tại không còn ở kho nữa) và chưa hạch toán giảm hàng hóa do chưa đủ thủ tục để xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Công ty đang trích khấu hao tài sản cố định hữu hình chưa đúng theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Việc Công ty trích chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm không đúng theo quy định là ảnh hưởng đến chi phí tính thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm. Do đó, phản ánh sai kết quả kinh doanh, cũng như tình hình tài chính của Công ty. Theo giải trình của kế toán, Công ty thực hiện điều chỉnh lại khung khấu hao, theo đó, chấp nhận số hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2012. Bắt đầu từ ngày 1/1/2013 Công ty thực hiện khấu hao theo khung khấu hao mới.

Trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 228 - Đầu tư dài hạn, chi tiết ALS, số dư tại ngày 31/12/2012 là 18.482.445.903 VNĐ. Tuy nhiên số vốn thực góp vào ALS theo xác nhận của ALS đến ngày 31/12/2012 là 18.040.000.000 VNĐ. Chênh lệch là 442.445.903 VNĐ. Theo giải trình của kế toán, khoản chênh lệch này đang được ghi nhận là góp vốn bằng tiền mặt vào ALS trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 228 - Đầu tư dài hạn, chi tiết ALS. Thực chất khoản tiền này đã được bao gồm trong 8.200.000.000 VNĐ góp vốn bằng TSCĐ vào ALS, tuy nhiên do gặp vấn đề về bàn giao tài sản, ALS yêu cầu Công ty phải góp vốn trước bằng tiền mặt, số tiền 442.445.903 VNĐ. Theo đó, khi đã thực hiện bàn giao tài sản, Công ty cần ghi giảm số tiền 442.445.903 VNĐ này.

Số dư tại ngày 31/12/2012 của tài khoản 336 - Phải trả nội bộ là 234.835.806 VNĐ. Theo giải trình của kế toán, Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng và Chi nhánh Miền Nam là các đơn vị phụ thuộc, hạch toán độc lập với Công ty. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2012, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chưa bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của các đơn vị này. Báo cáo tài chính của Công ty chỉ hợp nhất các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Toàn bộ phần tài sản và nguồn vốn của các chi nhánh này không được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty. Theo đó, các tài khoản công nợ nội bộ vẫn còn số dư trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012. Việc phản ánh tài sản và nguồn vốn này sẽ được thực hiện đồng thời khi hợp nhất với Báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Th.S Nguyễn Thị Minh Đoàn
Phó Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 1945/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp



Th.S Nguyễn Văn Tứ
Chủ nhiệm Kiểm toán
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0697/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM - KTQGVN
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013.



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		276.303.500.069	284.126.262.977
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.047.566.140	54.612.781.661
1.	Tiền	111	V.1	19.380.469.828	19.847.733.314
2.	Các khoản tương đương tiền	112		31.667.096.312	34.765.048.347
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	22.386.478.943	18.701.029.301
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		22.386.478.943	18.701.029.301
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130	V.3,4	168.324.222.093	146.254.641.990
1.	Phải thu khách hàng	131		104.346.120.855	74.764.698.645
2.	Trả trước cho người bán	132		4.718.598.101	5.833.834.385
3.	Phải thu nội bộ	133		-	1.548.005.710
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		59.369.311.213	64.217.911.326
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(109.808.076)	(109.808.076)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.5	17.126.986.346	38.358.681.834
1.	Hàng tồn kho	141		17.498.806.999	38.730.502.487
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(371.820.653)	(371.820.653)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.418.246.547	26.199.128.191
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		422.334.463	1.066.777.156
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	2.066.847.443	16.025.231.904
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	635.975.496	635.975.496
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	14.293.089.145	8.471.143.635

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN			217.016.440.937	188.241.573.716
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	V.8	11.650.541.065	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		11.650.541.065	-
2.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
3.	Phải thu dài hạn khác	218	V.9	-	-
4.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220	V.10	35.012.035.622	34.238.523.030
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.1	27.799.546.960	31.628.780.607
	- Nguyên giá	222		50.578.490.768	50.328.486.836
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.778.943.808)	(18.699.706.229)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10.2	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10.3	-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	7.212.488.662	2.609.742.423
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13,14	169.103.560.203	153.209.536.777
1.	Đầu tư vào Công ty con	251		34.319.138.048	34.319.138.048
2.	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		3.920.787.063	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		130.863.635.092	118.890.398.729
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.320.595.714	793.513.909
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.320.595.714	793.513.909
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		493.390.232.673	472.367.836.693

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		153.092.270.766	162.969.431.976
I.	Nợ ngắn hạn	310		137.967.743.457	139.686.039.003
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	22.966.833.426	5.372.302.311
2.	Phải trả người bán	312		54.377.963.379	56.777.874.410
3.	Người mua trả tiền trước	313		8.422.840.162	4.787.176.701
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1.664.382.354	2.967.035.787
5.	Phải trả người lao động	315		8.712.697	890.217.159
6.	Chi phí phải trả	316	V.20	193.799.124	731.101.975
7.	Phải trả nội bộ	317		234.835.806	1.769.539.611
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	49.901.688.592	66.213.087.132
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		196.687.917	177.703.917
II.	Nợ dài hạn	330		15.124.527.309	23.283.392.973
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		1.874.573.392	2.734.993.392
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	13.249.953.917	19.329.953.917
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.218.445.664
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340.297.961.908	309.398.404.717
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.24	340.297.961.908	309.398.404.717
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		262.034.419.814	240.665.881.660
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	395.346.665
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.398.444.079	11.398.444.079
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.588.391.371	1.588.391.371
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		63.892.697.172	53.966.331.470
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		1.384.009.472	1.384.009.472
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		493.390.232.673	472.367.836.693

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



Mẫu số B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Đào Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Yên

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.25	211.976.369.821	371.158.503.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		160.936.679	131.599.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211.815.433.142	371.026.903.675
4. Giá vốn hàng bán	11	V.26	194.034.225.662	347.890.882.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.781.207.480	23.136.020.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.27	6.289.709.999	9.314.425.544
7. Chi phí tài chính	22	V.28	4.396.283.970	14.561.155.123
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.968.071.523	5.171.383.746
8. Chi phí bán hàng	24		737.737.920	902.402.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.361.769.896	15.586.453.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.575.125.693	1.400.434.911
11. Thu nhập khác	31		11.851.926.133	26.628.215.417
12. Chi phí khác	32		3.090.546.005	2.988.497.618
13. Lợi nhuận khác	40		8.761.380.128	23.639.717.799
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.336.505.821	25.040.152.710
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	1.655.143.574	3.101.891.461
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.681.362.248	21.938.261.249
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

(*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc





Phùng Ngọc Dung

Đào Thị Hạnh

Phạm Văn Yên

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	137.504.258.334	277.513.956.306
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(99.914.648.144)	(276.442.522.200)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.782.504.462)	(6.920.224.133)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.468.860.683)	(2.654.503.402)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.901.054.493)	(3.671.517.434)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	52.249.978.101	70.785.340.923
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(97.241.681.110)	(97.443.508.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.554.512.457)	(38.832.978.604)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(197.102.166)	(3.997.484.887)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.124.656.112)	(181.170.254.584)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.665.424.658	216.122.558.394
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.550.000.000)	(8.382.590.015)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.550.000.000	33.302.183.700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.146.107.044	2.808.070.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.489.773.424	58.682.482.641

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.470.613.856	118.894.574.407
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41.956.082.741)	(102.831.593.429)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.514.531.115	16.062.980.978
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.550.207.918)	35.912.485.015
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.612.781.661	15.179.692.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.007.602)	3.520.604.492
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	51.047.566.141	54.612.781.661

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phùng Ngọc Dung

Đào Thị Hạnh

Phạm Văn Yên

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Khái quát chung:

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tên cũ: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 26/04/2011 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: INTERSERCO

Địa chỉ trụ sở chính: 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 235.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Hoạt động kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 26/04/2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất giày dép;
- Cung cấp thông tin và thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam;
- Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
- Tư vấn, giới thiệu và cung ứng lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh;
- Kinh doanh các sản phẩm văn hóa, đại lý giới thiệu sản phẩm văn hóa (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Hoạt động kinh doanh (tiếp):

- Thi công tu bổ, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích văn hóa, lịch sử và các công trình mỹ thuật kiến trúc;
- Thi công trang trí nội, ngoại thất và lắp đặt thiết bị cho các công trình văn hóa, nghệ thuật;
- Tư vấn, quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho, bãi, văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa, sản phẩm, vật tư cho các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước;
- Đầu tư kinh doanh nhà, đất và xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng: thủ công mỹ nghệ; nông sản thực phẩm; sản phẩm may mặc; khoáng sản; thiết bị toàn bộ và phụ tùng; phương tiện vận tải (ô tô, xe gắn máy); đồ điện, điện tử dân dụng, công nghiệp; hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất tiêu dung; trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế; Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ công tác xuất nhập khẩu tại điểm thông quan nội địa của thành phố Hà Nội;
- Kinh doanh giao nhận vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng gia dụng và thương mại cho các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, đơn vị cá nhân trong và ngoài nước xuất nhập khẩu vào Việt Nam;
- Dịch vụ tư vấn du học nước ngoài;
- Đào tạo công nhân có kỹ thuật cao để phục vụ hợp tác lao động quốc tế;
- Xuất khẩu lao động; cung ứng chuyên gia, tu nghiệp sinh, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu và các sản phẩm giấy dếp do Công ty kinh doanh;
- Xuất nhập khẩu và bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (không gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Xuất nhập khẩu và bán buôn hóa chất khác (không gồm thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất trong danh mục cấm);
- Xuất nhập khẩu và bán buôn hóa chất công nghiệp (không bao gồm hóa chất trong danh mục cấm);

(Đối với các hoạt động xây dựng, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật)./.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ

III. ÁP DỤNG LUẬT KẾ TOÁN VÀ CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Công ty đã lựa chọn phù hợp các quy định của pháp luật Nhà nước như Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty vẫn hiểu đầy đủ và chi tiết các nguyên tắc kế toán được trình bày dưới đây để áp dụng trong trường hợp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh và sẽ áp dụng đầy đủ.

Luật Kế toán:

Trong năm 2012, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003 kèm theo Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Công ty đã áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt I ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2002:

Chuẩn mực số 02 Hàng tồn kho
Chuẩn mực số 03 Tài sản cố định hữu hình
Chuẩn mực số 04 Tài sản cố định vô hình
Chuẩn mực số 14 Doanh thu và thu nhập khác



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

III. ÁP DỤNG LUẬT KẾ TOÁN VÀ CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (TIẾP)

Chuẩn mục Kế toán Việt Nam (tiếp):

Chuẩn mục Kế toán Việt Nam đợt II ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2003:

- Chuẩn mục số 01 Chuẩn mục chung
- Chuẩn mục số 06 Thuê tài sản
- Chuẩn mục số 10 Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
- Chuẩn mục số 15 Hợp đồng xây dựng
- Chuẩn mục số 16 Chi phí đi vay
- Chuẩn mục số 24 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chuẩn mục Kế toán Việt Nam đợt III ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2004:

- Chuẩn mục số 05 Bất động sản đầu tư
- Chuẩn mục số 07 Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết
- Chuẩn mục số 08 Thông tin tài chính về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mục số 21 Trình bày báo cáo tài chính
- Chuẩn mục số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư Công ty con
- Chuẩn mục số 26 Thông tin về các bên liên quan

Chuẩn mục Kế toán Việt Nam đợt IV ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2005:

- Chuẩn mục số 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chuẩn mục số 22 Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự
- Chuẩn mục số 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Chuẩn mục số 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Chuẩn mục số 28 Báo cáo bộ phận
- Chuẩn mục số 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Chuẩn mục Kế toán Việt Nam đợt V ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 20/03/2006:

- Chuẩn mục số 11 Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mục số 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
- Chuẩn mục số 19 Hợp đồng Bảo hiểm
- Chuẩn mục số 30 Lãi trên Cổ phiếu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN TIỀN: TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, TIỀN ĐANG CHUYỂN, CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN VÀ CHUYỂN ĐỔI TIỀN

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

Là các khoản tiền mặt tồn quỹ tại Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với số tiền này.

Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tiền đang chuyển được xác định theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Hoặc: Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm trong giai đoạn trước hoạt động được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí khi hoàn thành bàn giao công trình (hoặc được phân bổ vào doanh thu và chi phí trong 2 năm từ khi hoàn thành bàn giao công trình).

Năm 2012, Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN HÀNG TỒN KHO:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp (hoặc phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương).

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước...).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN PHẢI THU THƯƠNG MẠI VÀ PHẢI THU KHÁC:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG:

Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

Khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch (chỉ áp dụng cho đơn vị xây dựng có cung cấp dịch vụ nhận thầu xây lắp thanh toán theo tiến độ kế hoạch).

Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

Là giá trị các khoản phải trả đã nhận được hóa đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****5. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ):**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Nguyên giá TSCĐ được xác định bằng giá mua hoặc giá trị quyết toán công trình (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Các tài sản khác	04 - 25
Phần mềm quản lý	03 - 08

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

6. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI:

Tài sản vô hình tạo ra trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu thỏa mãn được bảy (7) điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- Doanh nghiệp dự tính hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

Các khoản chi phí nghiên cứu triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc phân bổ nhiều lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa là 3 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

7. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ HẠCH TOÁN HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH:

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Nguyên giá của TSCĐ đi thuê tài chính không bao gồm số thuế GTGT bên cho thuê đã trả khi mua TSCĐ để cho thuê (Kể cả trường hợp TSCĐ thuê tài chính dùng vào hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế và trường hợp TSCĐ thuê tài chính dùng vào hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Công ty thực hiện khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo phương pháp đường thẳng.

8. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ:

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, như: Phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác,...

Trường hợp mua bất động sản đầu tư thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá của bất động sản đầu tư được phân ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán. Nếu số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay” thì nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm cả khoản chênh lệch đó;

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng;

Trường hợp bất động sản thuê tài chính với mục đích để cho thuê hoạt động thoả mãn tiêu chuẩn ghi nhận là bất động sản đầu tư thì nguyên giá của bất động sản đầu tư đó tại thời điểm khởi đầu thuê được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính.

Các chi phí phát sinh ban đầu về nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí khác không phải để đưa Bất động sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng không được tính vào nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng cho bất động sản đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**9. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:****Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết:**

Vốn đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) với các chi phí mua (nếu có), như: Chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế, và phí Ngân hàng...

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và góp vốn liên doanh theo phương pháp giá gốc khi lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư. Phương pháp vốn chủ sở hữu được áp dụng trong kế toán khoản đầu tư vào Công ty liên kết khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được Công ty ghi nhận theo giá gốc (giá thực tế mua chứng khoán) gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác bao gồm: các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết; đầu tư trái phiếu, cho vay vốn, các khoản đầu tư khác,... mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm đối với các khoản đầu tư ngắn hạn và trên 1 năm đối với các khoản đầu tư dài hạn. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo đối tượng vay, phương thức vay, thời hạn và lãi suất cho vay.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Cuối niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn tuân thủ Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

10. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN DOANH:

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên Báo cáo tài chính là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn. Trường hợp vốn góp liên doanh là tài sản cố định, vật tư, hàng hóa, giá trị vốn góp là giá do hội đồng đánh giá tài sản xác nhận; phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị đánh giá lại của tài sản được ghi nhận là chi phí khác nếu chênh lệch giảm, thu nhập khác nếu chênh lệch tăng.

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán như các doanh nghiệp khác. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****11. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY:**

Chi phí đi vay được vốn hóa là các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn hóa (\%)} = \frac{\text{Tổng số tiền lãi vay thực tế của các khoản vay phát sinh trong kỳ}}{\text{Số dư bình quân gia quyền các khoản vay gốc}} \times 100\%$$

$$\text{Số dư bình quân gia quyền các khoản vay gốc} = \text{Số dư của từng khoản vay gốc} \times \frac{\text{Số tháng mà từng khoản vay phát sinh trong kỳ kế toán}}{\text{Số tháng phát sinh của kỳ kế toán}}$$

12. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ KHÁC:

Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã chi ra nhưng chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh đến cuối kỳ báo cáo.

Các chi phí xây dựng cơ bản (XDCCB) bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, chi phí lắp đặt chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của các tài sản đó. Các chi phí không hợp lý, như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí nêu trên nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì khi thực tế phát sinh được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm tài chính mà không phản ánh vào Tài khoản 242 "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty thực hiện phân bổ chi phí trả trước theo khoảng thời gian mà khoản chi phí đó có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trong trường hợp mua lại doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại được ghi nhận là chi phí trong kỳ hoặc được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**13. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ THƯƠNG MẠI VÀ PHẢI TRẢ KHÁC:**

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ, ... Các khoản phải trả thương mại được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn. Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán ngoài hóa đơn mua hàng được ghi sổ tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu. Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh.

Các khoản phải trả khác bao gồm: giá trị tài sản thừa chưa xử lý, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, các khoản phải trả cho đơn vị bên ngoài do nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn, các khoản lãi phải trả cho các bên tham gia góp vốn liên doanh, cổ tức phải trả, các khoản đi vay mượn vật tư có tính chất tạm thời,...

14. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

Chi phí phải trả được sử dụng để hạch toán những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

15. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ:

Doanh nghiệp được ghi nhận đối với các khoản dự phòng nếu có đủ các điều kiện theo quy định tại đoạn 11, Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”. Các khoản dự phòng phải trả thường bao gồm:

- Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm;
- Dự phòng phải trả tái cơ cấu doanh nghiệp;
- Dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt qua những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó;

Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán. Khi lập dự phòng phải trả, doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa, bảo hành sản phẩm được ghi nhận vào chi phí bán hàng, đối với khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

16. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC TRÁI PHIẾU CÓ THẺ CHUYỂN ĐỔI:

Các trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu. Các trái chủ có nhu cầu mua cổ phiếu của Công ty có thể yêu cầu Công ty thực hiện chuyển đổi. Khi chuyển đổi hợp đồng được hai bên chấp nhận Công ty ghi giảm nợ phải trả trái chủ số tiền đã thu được từ việc bán trái phiếu còn phải trả cho trái chủ và ghi tăng vốn chủ sở hữu tại thời điểm việc chuyển đổi hoàn thành.

17. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

Đối với công ty Nhà nước, nguồn vốn kinh doanh do Nhà nước và các thành viên góp vốn, được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá, sản phẩm dở dang...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh vào tài khoản này trong các trường hợp sau:

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản;
- Khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;
- Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp;

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong kỳ, bao gồm:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư XD/CB (giai đoạn trước hoạt động).
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ở thời điểm cuối năm tài chính của hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Đối với các doanh nghiệp sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Kết quả hoạt động kinh doanh được phản ánh trên tài khoản 421 là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***IV. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****18. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU:**

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi nhận được thông báo chính thức của Ngân hàng, Công ty liên kết.

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc theo giá trị tạm xác định không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

Công ty thực hiện thanh toán hợp đồng xây dựng theo giá trị khối lượng thực hiện. Do vậy, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

19. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành, được xác định theo công thức:

$$\text{Thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \text{Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm: là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Chênh lệch tạm thời: là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

19. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP):

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của Nợ Tài sản hay Nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

20. CÁC NGHIỆP VỤ DỰ PHÒNG RỦI RO HỐI ĐOÁI:

Dự phòng rủi ro hối đoái được áp dụng trong trường hợp Công ty nắm giữ một số lượng lớn ngoại tệ. Để đề phòng tỷ giá ngoại tệ có thể giảm nhanh Công ty mua Put Option của các Công ty, tập đoàn tài chính lớn để bảo đảm cho số ngoại tệ đó khi thay đổi tỷ giá mạnh không ảnh hưởng nhiều đến lãi, lỗ của Công ty trong kỳ. Khi thực hiện thủ tục này Công ty có thể bán ngoại tệ với tỷ giá đã được bảo đảm bởi Công ty tài chính tại mọi thời điểm. Các chi phí mở Put Option được hạch toán vào Chi phí tài chính trong kỳ.

21. CÁC QUỸ KHÁC:

Quỹ khen thưởng:

Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức Công đoàn và trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp); Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài doanh nghiệp có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện của hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của Công ty (mức thưởng do Giám đốc doanh nghiệp quyết định).

Quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (nếu có):

Quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước dùng để chi cho các hoạt động phục vụ việc cổ phần hóa doanh nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. TIỀN**

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Tiền mặt	5.214.653.568	2.690.688.322
- Tiền gửi ngân hàng	14.165.816.260	17.157.044.992
- Tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng)	31.667.096.312	34.765.048.347
Cộng:	51.047.566.140	54.612.781.661

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:	-	-
+ Chứng khoán ngắn hạn là tương đương tiền	-	-
+ Chứng khoán đầu tư ngắn hạn khác	-	-
+ Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	22.386.478.943	18.701.029.301
+ Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng	1.245.449.642	-
+ Ký quỹ Công ty IPX	300.000.000	-
+ Cho chi nhánh Hải phòng vay hoạt động	45.135.000	1.645.135.000
+ Hợp đồng bán kẹo với Greelife lô 1	449.702.635	449.702.635
+ Công ty Giày da Sơn Đồng - huyện Hoài Đức	1.147.000.000	1.147.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Sử pán 1	5.064.166.666	5.064.166.666
+ Trường Nhân lực quốc tế cơ sở 2	1.300.000.000	1.300.000.000
+ Đất Xuân Đình (*)	9.095.025.000	9.095.025.000
+ Góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (ICC)	3.740.000.000	-
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Cộng:	22.386.478.943	18.701.029.301

(*) : Khoản tạm ứng kinh doanh của Phùng Thúy Hoa, số tiền 9.095.025.000 VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Phải thu khách hàng	104.346.120.855	74.764.698.645
- Trả trước cho người bán	4.718.598.101	5.833.834.385
- Phải thu nội bộ	-	1.548.005.710
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	-	-
- Các khoản phải thu khác:	59.369.311.213	64.217.911.326
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
+ Phải thu khác	59.369.311.213	64.217.911.326
- Dự phòng phải thu khó đòi	(109.808.076)	(109.808.076)
- Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	-	-
Cộng:	168.324.222.093	146.254.641.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (*)

	31/12/2012	31/12/2011
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	59.369.311.213	64.217.911.326
+ Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	70.550.000
+ Công trình phụ dự án cũ giai đoạn I	3.839.000	3.839.000
+ Chi phí chung ngân sách	159.598	159.598
+ Công ty giày da Sơn Đồng	11.468.860	11.468.860
+ Gói 1 thiết kế Ngân sách	66.383.000	66.383.000
+ Gói 2	33.384.000	33.384.000
+ Gói 4 Ngân sách	3.488.112	3.488.112
+ Gói 5	6.450.000	6.450.000
+ Gói 6	6.338.000	6.338.000
+ Gói 7 ngân sách	50.356.000	50.356.000
+ Gói 8 giai đoạn 1	43.357.000	43.357.000
+ Công ty Interserco CB	2.314.468.980	2.980.000.000
+ Nettra	9.600.000.000	9.600.000.000
+ Trường Nhân lực Quốc tế cơ sở 2	2.097.240.000	2.097.240.000
+ Dự án bắn pháo hoa ngày 10/10	18.017.894.054	23.088.466.877
+ Dự án khu vườn sinh thái Cẩm Đình Phúc Thọ	5.057.414.321-	5.057.414.321
+ Showroom Mỹ Đình	12.742.314.644	18.240.934.470
+ Dự án khai thác mỏ Tây Bắc	1.438.647.778	1.258.787.069
+ Hợp đồng tiền gửi 1 tháng tại MSB từ 22/10/2012	1.699.999	-
+ Trung tâm cung ứng và xuất khẩu lao động	330.380.280	-
+ Cho IPX vay	929.300.000	1.229.300.000
+ Mặt bằng thuê tại Yên Sở	175.000.000	175.000.000
+ Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động	-	29.117.910
+ Lãi tiền gửi có kỳ hạn	61.120.881	161.653.473
+ Phải thu khác	100.606.706	4.223.636
+ Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	3.158.000.000	-
+ Cao Bằng - Trịnh Quang Chiến	3.000.000.000	-
Cộng:	59.369.311.213	64.217.911.326

(): Thuyết minh này thuyết minh chi tiết cho thuyết minh V.3*



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	48.029.422	48.029.422
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí SX, KD dở dang	1.582.696.000	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	15.868.081.577	38.682.473.065
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	17.498.806.999	38.730.502.487
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả	-	-
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm	-	-
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	2.066.847.443	16.025.231.904
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước:	635.975.496	635.975.496
+ Thuế khác	173.373	173.373
+ Thuế xuất, nhập khẩu	635.802.123	635.802.123
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng:	2.702.822.939	16.661.207.400

Quyết toán số thuế phải nộp hoặc nộp thừa Nhà nước của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền, Kiểm toán viên không có thẩm quyền, nhiệm vụ, chức năng trong việc xác định số thuế nộp Nhà nước. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Tạm ứng	12.646.763.645	8.471.143.635
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.646.325.500	-
- Tài sản ngắn hạn khác	-	-
Cộng:	14.293.089.145	8.471.143.635

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
- Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	11.650.541.065	-
- Cho vay nội bộ	-	-
- Phải thu nội bộ khác	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
- Giá trị thuần của các khoản phải thu dài hạn	-	-
Cộng:	11.650.541.065	-

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng:	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

10. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng:
NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
- Số dư ngày 31/12/2011	38.889.623.696	2.785.753.382	7.873.676.608	20.250.000	759.183.150	50.328.486.836
- Tăng trong năm	106.410.703	40.503.000	480.000.000	-	-	626.913.703
- Mua trong năm	106.410.703	40.503.000	-	-	-	146.913.703
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	480.000.000	-	-	480.000.000
- Giảm trong năm	-	-	376.909.771	-	-	376.909.771
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	376.909.771	-	-	376.909.771
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	38.996.034.399	2.826.256.382	7.976.766.837	20.250.000	759.183.150	50.578.490.768
HAO MÒN LŨY KẾ						
- Số dư ngày 31/12/2011	14.417.753.148	1.615.049.054	2.666.904.027	-	-	18.699.706.229
- Tăng trong năm	2.516.638.786	412.807.645	1.512.951.319	-	13.749.600	4.456.147.350
- Khấu hao trong năm	2.516.638.786	412.807.645	1.512.951.319	-	13.749.600	4.456.147.350
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	376.909.771	-	-	376.909.771
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	376.909.771	-	-	376.909.771
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	16.934.391.934	2.027.856.699	3.802.945.575	-	13.749.600	22.778.943.808
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày 31/12/2011	24.471.870.548	1.170.704.328	5.206.772.581	20.250.000	759.183.150	31.628.780.607
- Tại ngày 31/12/2012	22.061.642.465	798.399.683	4.173.821.262	20.250.000	745.433.550	27.799.546.960

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: - VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: - VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: - VNĐ
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

10. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

10.2. Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng:
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-	-	-
HAO MÒN LŨY KẾ					
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày 31/12/2011	-	-	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2012	-	-	-	-	-

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

- VNĐ

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:

- VNĐ

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

- VNĐ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

10. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

10.3. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ				
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-	-
HAO MÒN LŨY KẾ				
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Tại ngày 31/12/2011	-	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2012	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Dự án Ao cá Bác Hồ Hoàng Mai	93.659.000	93.659.000
- Hợp đồng đo đạc dự án Bát Xát	106.620.000	106.620.000
- Sửa chữa hàng rào tại Mỹ Đình	20.530.740	20.530.740
- Dự án điếm thông quan tại Đức Thượng	100.000.000	-
- Hệ thống kho lạnh Công ty Interfoofs	-	60.761.000
- Lắp đặt dây chuyền máy ép sản xuất viên gỗ	3.730.514.495	2.002.451.683
- Cảng nội địa ICD Hà Nam	171.124.545	171.124.545
- Dự án xây dựng khu đô thị xã Phụng Thượng	132.138.182	132.138.182
- Công trình nhà hàng 358 đường Láng	2.835.444.427	-
- Trường Nhân lực quốc tế cơ sở 1	22.457.273	22.457.273
Cộng:	7.212.488.662	2.609.742.423

12. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Đầu tư vào Công ty con	34.319.138.048	34.319.138.048
+ Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	5.640.600.000	5.640.600.000
+ Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	23.474.500.000	23.474.500.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco ICC	5.204.038.048	5.204.038.048
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	3.920.787.063	-
+ Công ty May liên doanh Plummy	3.920.787.063	-
- Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm Soát	-	-
- Đầu tư dài hạn khác:	130.863.635.092	118.890.398.729
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng:	169.103.560.203	153.209.536.777

14. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY LIÊN DOANH QUAN TRỌNG

Tên Công ty	Công ty con (tỷ lệ % quyền biểu quyết)	Công ty liên kết (tỷ lệ % quyền biểu quyết)	Công ty liên doanh (loại hình liên doanh)
- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	53,41	-	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	65,21	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco ICC	78,73	-	-
- Công ty May liên doanh Plummy	-	22,60	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
- Chi phí về giá trị lợi thế thương mại	-	-
- Chi phí trả trước khác	1.320.595.714	793.513.909
Cộng:	1.320.595.714	793.513.909

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đó được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Cộng:	-	-

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Cộng:	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Vay ngắn hạn	22.966.833.426	5.372.302.311
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	22.966.833.426	5.372.302.311
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-
Cộng:	22.966.833.426	5.372.302.311

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	40.976.433	41.921.562
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	678.142.665	1.924.053.584
- Thu trên vốn	105.737.566	57.068.886
- Tiền thuê đất	210.463.133	247.663.740
- Các loại thuế khác	27.950.976	95.216.434
- Các khoản phải nộp khác	601.111.581	601.111.581
Cộng:	1.664.382.354	2.967.035.787

Quyết toán số thuế phải nộp hoặc nộp thừa Nhà nước của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền, Kiểm toán viên không có thẩm quyền, nhiệm vụ, chức năng trong việc xác định số thuế nộp Nhà nước. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	193.799.124	731.101.975
Cộng:	193.799.124	731.101.975



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	24.977.000	40.253.000
- Bảo hiểm xã hội	-	130.490.000
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	271.960.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	110.072.739	1.620.460.319
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.494.678.853	64.421.883.813
+ ALS	-	4.892.059.100
+ Hợp đồng sâm	14.000.000	-
+ Dự án khu vườn sinh thái Cẩm Đình Phúc Thọ	3.800.000.000	4.150.000.000
+ Doanh thu cho thuê XNK	45.200.000	-
+ Showroom ô tô đường Láng	165.000.000	-
+ Công ty giày da Sơn Đồng	22.501.990.508	17.318.959.200
+ KHO	814.906.958	-
+ Showroom Mỹ Đình	19.022.731.387	21.920.403.068
+ Dự án bắn pháo hoa ngày 10/10	954.750.000	2.783.433.416
+ Trung tâm cung ứng và xuất khẩu lao động	1.100.000	-
+ Lô hàng 2	-	2.022.927.673
+ Hợp đồng hóa chất lô 3 + 4	-	3.356.949.645
+ Góp vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT vào Công ty VIDIFI	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Mặt bằng thuê tại Yên Sở	175.000.000	-
+ Phải trả, phải nộp khác	-	2.407.003.737
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Chi phí lãi vay)	-	3.399.404.974
Cộng:	49.901.688.592	66.213.087.132



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
<i>Vay dài hạn</i>	<i>13.249.953.917</i>	<i>19.329.953.917</i>
- Vay ngân hàng	13.249.953.917	19.329.953.917
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I - Phòng giao dịch Hà Đông	13.249.953.917	19.329.953.917
- Vay đối tượng khác	-	-
<i>Nợ dài hạn</i>	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
<i>Trái phiếu phát hành</i>	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chiết khấu trái phiếu	-	-
- Phụ trội trái phiếu	-	-
Cộng:	13.249.953.917	19.329.953.917

23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng:	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Cộng
- Dư 01/01/2011	235.008.281.387	11.398.444.079	1.588.391.371	1.384.009.472	1.716.547.477	30.689.958.766	281.755.537.034
- Tăng trong năm	5.657.600.273	-	-	-	11.658.951.452	55.382.268.163	72.698.819.888
- Tăng vốn trong năm	5.657.600.273	-	-	-	-	-	5.657.600.273
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	21.938.261.249	21.938.261.249
- Tăng khác	-	-	-	-	11.658.951.452	33.444.006.914	45.102.958.366
- Giảm trong năm	-	-	-	-	12.980.152.264	32.105.895.459	45.086.047.723
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	12.980.152.264	32.105.895.459	45.086.047.723
- Dư 31/12/2011	240.665.881.660	11.398.444.079	1.588.391.371	1.384.009.472	395.346.665	53.966.331.470	309.398.404.717
- Dư 01/01/2012	240.665.881.660	11.398.444.079	1.588.391.371	1.384.009.472	395.346.665	53.966.331.470	309.398.404.717
- Tăng trong năm	21.368.538.154	-	-	-	731.708.955	10.426.365.702	32.526.612.811
- Tăng vốn trong năm	21.368.538.154	-	-	-	-	-	21.368.538.154
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.681.362.248	9.681.362.248
- Tăng khác	-	-	-	-	731.708.955	745.003.454	1.476.712.409
- Giảm trong năm	-	-	-	-	1.127.055.620	500.000.000	1.627.055.620
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	1.127.055.620	500.000.000	1.627.055.620
- Dư 31/12/2012	262.034.419.814	11.398.444.079	1.588.391.371	1.384.009.472	-	63.892.697.172	340.297.961.908



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
- Vốn góp của Nhà nước	262.034.419.814	240.665.881.660
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng:	262.034.419.814	240.665.881.660

24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	240.665.881.660	235.008.281.387
+ Vốn góp tăng trong năm	21.368.538.154	5.657.600.273
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.034.419.814	240.665.881.660
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24.4. Cổ phiếu (áp dụng với công ty cổ phần)

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.5. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển:

Dùng để bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty; để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của doanh nghiệp; góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.

Quỹ dự phòng tài chính:

Dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

24.6. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu, thu nhập khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Tổng doanh thu	211.976.369.821	371.158.503.185
- Doanh thu bán hàng	211.976.369.821	371.158.503.185
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	-	-
<i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính</i>	-	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu	160.936.679	131.599.510
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	160.936.679	131.599.510
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	211.815.433.142	371.026.903.675
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	211.815.433.142	371.026.903.675
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	194.034.225.662	347.971.282.871
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán. thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Khoản khác	-	-
Cộng:	194.034.225.662	347.971.282.871

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.770.839.851	7.919.916.698
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.513.826.298	-
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.043.850	81.274.202
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.313.234.644
Cộng:	6.289.709.999	9.314.425.544



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Lãi tiền vay	3.968.071.523	5.171.383.746
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗi bán ngoại tệ	-	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.429.785	-
- Chi phí tài chính khác	312.782.662	9.389.771.377
Cộng:	4.396.283.970	14.561.155.123

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.655.143.574	3.101.891.461
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.655.143.574	3.101.891.461



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả.	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	-	-

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ (*)

(*) Việc thuyết minh mục này mang tính quản trị doanh nghiệp.

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	-	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng:	-	-

Năm 2011 và 2012, Công ty không thực hiện thuyết minh chi tiết khoản mục này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu;	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu;	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con được đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ;	-	-
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC:

Công ty đánh giá không có sự tồn tại các khoản nợ tiềm tàng mà cần thiết phải trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty cũng không tồn tại các khoản cam kết có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính mà cần thiết phải công bố.

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (KHÓA SỔ KẾ TOÁN):

Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán mà có ảnh hưởng đến việc trình bày báo cáo tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà: tỷ lệ vốn góp là 53,41%
- Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ: tỷ lệ vốn góp là 65,21%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco ICC: Tỷ lệ vốn góp là 78,73%

4. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN (THEO LĨNH VỰC KINH DOANH HOẶC KHU VỰC ĐỊA LÝ) THEO QUY ĐỊNH CỦA CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM:

Toàn bộ tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh: các hoạt động trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

5. THÔNG TIN SO SÁNH (NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN TRƯỚC).

Các thông tin năm trước không có sự thay đổi đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

6. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC:

Không tồn tại bất cứ lý do gì ảnh hưởng đến việc xét đoán tính hoạt động liên tục của công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44,00	39,40
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,00	60,60
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,03	35,22
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,97	64,78
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,22	2,84
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,16	2,13
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,51
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	5,35	6,74
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	4,57	5,90
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	2,30	5,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	1,96	4,59
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	2,84	7,08



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 59 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo tài chính trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ báo cáo tài chính này. Số dư đầu kỳ báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sử dụng cho mục đích so sánh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Người lập



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Đào Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Yên

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 60 đến trang 63 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

THƯ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM -KTQGVN
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL
Trụ sở: số 112, ngõ 553 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội

Theo yêu cầu của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 580 - Thư Giải trình của Ban Giám đốc ban hành theo Quyết định số 219/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chúng tôi xin gửi tới Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam, Thư giải trình này của Ban Giám đốc chúng tôi liên quan đến cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính như đã nêu trên nhằm đưa ra những ý kiến về tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính dựa trên những quy định, những chuẩn mực do Bộ Tài chính Việt Nam qui định.

Chúng tôi xác nhận rằng với sự hiểu biết và sự tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những giải trình sau đây:

1. Chúng tôi khẳng định rằng Báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành (hoặc được chấp thuận bằng một văn bản chỉ đạo riêng hay cho phép của Bộ Tài chính hay của một cơ quan chức năng Nhà nước khác có thẩm quyền).
2. Không có sự bất hợp lý nào phát sinh từ phía bộ phận quản lý cũng như nhân viên có trách nhiệm trong hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán, dẫn tới những ảnh hưởng sai lệch trọng yếu đến Báo cáo tài chính hoặc không được trình bày rõ ràng, minh bạch trong Báo cáo tài chính. Không có sự "mâu thuẫn" về lợi ích giữa người phụ trách đơn vị kế toán và nhân viên trong quá trình hoạt động kinh doanh của đơn vị kế toán.
3. Chúng tôi cam kết rằng chúng tôi đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả mọi hành vi gian lận, tham nhũng đối với việc quản lý tài sản của đơn vị kế toán.
4. Chúng tôi đã chuyển cho kiểm toán viên xem xét tất cả sổ kế toán, các tài liệu, chứng từ liên quan, kể từ đầu năm tài chính cho tới ngày lập Báo cáo tài chính; Chúng tôi không có bất cứ điều gì giấu giếm hoặc không cung cấp cho kiểm toán viên làm ảnh hưởng đến việc lập Báo cáo tài chính và việc đưa ra ý kiến kiểm toán trên Báo cáo kiểm toán độc lập.
5. Chúng tôi cam kết rằng tất cả các tài sản, các khoản công nợ đều được phản ánh đầy đủ và đúng thực tế vào sổ kế toán cũng như báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự sai lệch nào giữa sổ kế toán và thực tế của đơn vị kế toán.



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 60 đến trang 63 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

6. Chúng tôi khẳng định là đã cung cấp toàn bộ các thông tin về các bên có liên quan (nếu có) cho kiểm toán viên.
7. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính.
8. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm, dịch vụ đang được sản xuất, cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho, ứ đọng hoặc lạc hậu; và không có bất kỳ một khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
9. Chúng tôi đã tuân thủ tất cả các điều khoản quan trọng của các hợp đồng có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Không có bất kỳ hành vi không tuân thủ nào liên quan đến các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính.
10. Các yếu tố sau đây đã được ghi nhận một cách đúng đắn và trong trường hợp cần thiết các thông tin thích hợp đã được nêu ra trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính:
 - a) Số dư và nghiệp vụ được thực hiện với các bên có liên quan;
 - b) Thua lỗ từ các hợp đồng mua và bán;
 - c) Thỏa thuận và khả năng mua lại các tài sản đã được chuyển nhượng trước đây;
 - d) Các tài sản được đem đi thế chấp, cầm cố.
11. Chúng tôi đã xác định những hàng tồn kho hư hỏng hoặc không sử dụng. Không có lượng tồn kho nào được ghi chép vượt quá hoặc thấp hơn lượng tồn kho thực tế.
12. Chúng tôi là chủ sở hữu tất cả các tài sản trên Báo cáo tài chính và không có bất kỳ một tài sản nào đang được cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ, ngoại trừ những tài sản được nêu trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính.
13. Tất cả các khoản nợ, cam kết vay và các khoản bảo lãnh của chúng tôi với bên thứ ba đã được đơn vị kế toán hạch toán hoặc giải trình trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính.
14. Hiện tại, chúng tôi không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.
15. Chúng tôi cam kết rằng đơn vị kế toán vẫn được duy trì hoạt động bình thường, không có ý định hoặc có các nguy cơ nào dừng hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hoặc cần được công bố trong Báo cáo tài chính.
16. Chúng tôi đã hạch toán hoặc đã thuyết minh đầy đủ trong Báo cáo tài chính tất cả các kế hoạch về việc mua lại các cổ phiếu của chính chúng tôi (nếu có), các nguồn vốn được dự trữ cho kế hoạch này, các khoản đảm bảo cũng như việc chuyển đổi và các yêu cầu có liên quan khác.



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 60 đến trang 63 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

17. Chúng tôi đã thể hiện đầy đủ các tài sản trên sổ kế toán cung cấp cho Kiểm toán viên. Các khoản phải thu thể hiện trên giấy báo nợ đối với khách nợ và không bao gồm các khoản mục hàng hóa đã giao và dịch vụ cung cấp sau ngày lập Bảng cân đối kế toán.
18. Chúng tôi ghi chép và trình bày tất cả khoản công nợ trong Báo cáo tài chính để làm cơ sở thanh toán cho các bên thứ ba. Tất cả những chi tiêu đều có hóa đơn chứng từ gốc, được lập các chứng từ ghi sổ phản ánh đầy đủ cùng với hoạt động kinh doanh của đơn vị kế toán.
19. Báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu. Không có những nghiệp vụ nào liên quan đến tài sản hay công nợ trọng yếu phát sinh mà không được ghi chép sổ kế toán đầy đủ. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán hoặc ghi sổ kế toán đúng kỳ kế toán.
20. Ngoài những khoản mục đã được diễn giải trong thuyết minh Báo cáo tài chính, không có nghiệp vụ phát sinh nào diễn ra sau ngày lập Bảng cân đối tài sản mà cần phải điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.
21. Đơn vị đã phân loại đúng trên Báo cáo tài chính về các khoản tài sản cố định, đầu tư và các tài sản khác. Ban Giám đốc cũng đã đánh giá những khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính.
22. Đơn vị đã sử dụng hệ thống sổ kế toán được Bộ Tài chính quy định. Chúng tôi tuân thủ các điều khoản quy định của Bộ Tài chính khi lập Báo cáo tài chính.
23. Chúng tôi có trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ, nhằm mục đích đảm bảo an toàn đối với tài sản cố định, tránh sự mất mát do việc sử dụng không đúng mục đích.
24. Không có yếu kém trầm trọng trong hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ. Chúng tôi cho rằng chi phí hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cho sản xuất, kinh doanh của đơn vị kế toán.
25. Chúng tôi cam kết rằng mọi số liệu, lời văn trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán nêu trên đã được chúng tôi kiểm tra cẩn thận và không có bất cứ sai sót nào mà chúng tôi thấy cần phải chỉnh sửa trước khi chuyển cho Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam ký và đóng dấu chính thức.
26. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng kiểm toán và các văn bản khác (nếu có) đã ký kết với Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.
27. Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý, rủi ro, thiệt hại vật chất phát sinh trong mọi trường hợp do hành vi của chúng tôi gây nên, chúng tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hành vi này.
28. Chúng tôi cam kết rằng không có bất cứ hành vi nào làm ảnh hưởng đến uy tín của kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam và của Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL.



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ TM VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 60 đến trang 63 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

29. Trong trường hợp sử dụng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán có mâu thuẫn phát sinh hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba, chúng tôi đều phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản đến Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam trước khi ra quyết định.
30. Chúng tôi hiểu rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này được sử dụng trong những trường hợp cần thiết, mọi ý kiến hình thành từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán có ảnh hưởng đến kiểm toán viên phải có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Chúng tôi xin chuyển Bản giải trình này của Ban Giám đốc đơn vị kế toán đến Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 580 - Thư Giải trình của Ban Giám đốc ban hành theo Quyết định số 219/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trân trọng,

Kế toán trưởng

(Ký tên)



Đào Thị Hạnh

Tổng Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Văn Yên

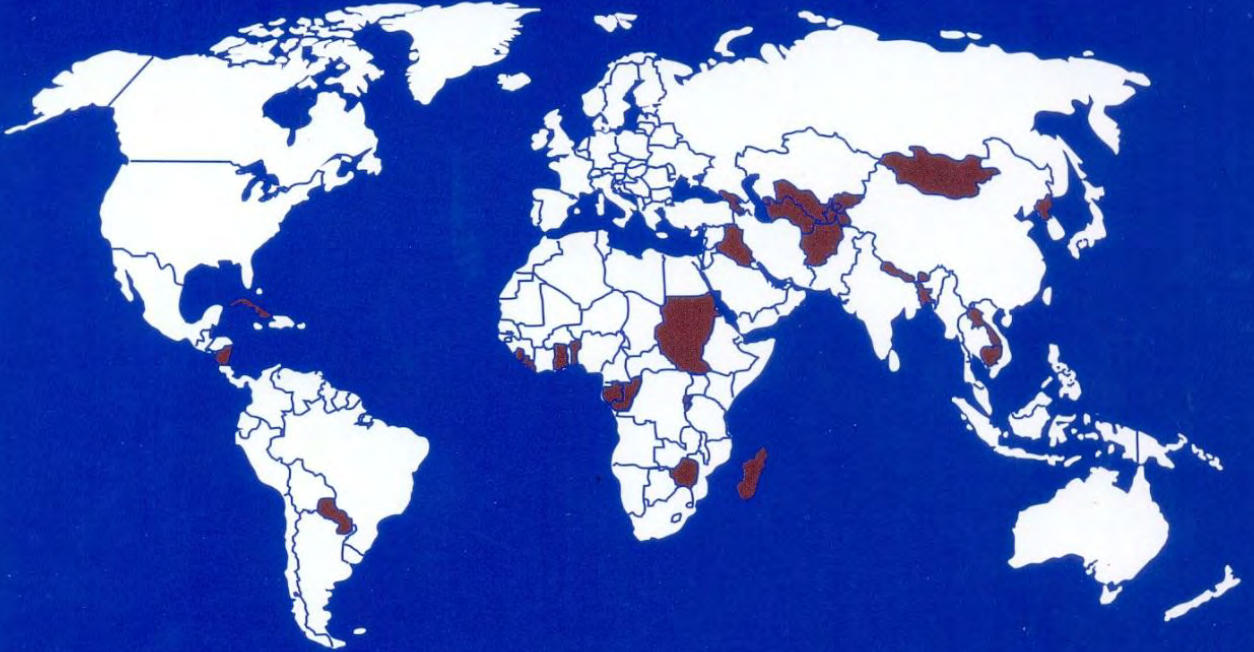


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM

Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL



CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI CÓ VĂN PHÒNG KIỂM TOÁN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL:



- | | | |
|----------------------------|-------------------|-----------------------------|
| 1 Mexico | 16 Egypt | 31 Burkina Faso |
| 2 United States Of America | 17 Libya | 32 Ivory Coast |
| 3 Chile | 18 Morocco | 33 Togo |
| 4 Colombia | 19 Tunisia | 34 Burundi |
| 5 Ecuador | 20 Hungary | 35 Cameroun |
| 6 Paraguay | 21 Italy | 36 Central African Republic |
| 7 Peru | 22 Luxembourg | 37 Rwanda |
| 8 Uruguay | 23 Malta | 38 Belarus |
| 9 Venezuela | 24 Netherlands | 39 Kazakhstan |
| 10 Belgium | 25 Poland | 40 Russia |
| 11 Cyprus | 26 Portugal | 41 Ukraine |
| 12 Czech Republic | 27 Spain | 42 Lebanon |
| 13 France | 28 Switzerland | 43 China |
| 14 Germany | 29 Turkey | 44 Malaysia |
| 15 Algeria | 30 United Kingdom | 45 Vietnam |